

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HS-ST

Ngày 18-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Diệu.

Bà Nguyễn Thị Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại nhà văn hóa Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/8/1985.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1949 (ngày 19/4/2005 ông Kháng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất); Mẹ đẻ: Tống Thị D, sinh năm 1952; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1984; Có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án số 172/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 26/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/4/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

-*Người làm chứng:* Chị Cao Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(tại phiên tòa có mặt bị cáo, bị hại, vắng mặt người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Văn Đ là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm ổn định. Do quen biết chị Cao Thị H, nên ngày 08/12/2019 Đ đến nhà chị H chơi thì biết chị H đang nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 38.000.000 đồng, chưa thống nhất được việc trả nợ nên đã xảy ra mâu thuẫn với nhau. Trong lúc nói chuyện, Đ xem nội dung tin nhắn trên điện thoại của chị H nên biết số điện thoại của bà T, liền lưu vào danh bạ điện thoại của Đ. Sau đó, Đ đã đưa ra những thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T với thủ đoạn dùng điện thoại di động lắp số thuê bao 0362.237.333 của Đ gọi đến số điện thoại 0962.710.930 của bà T nhưng không giới thiệu tên, tuổi, địa chỉ thật mà nói dối tên là Q ở H1 Phòng, là dân xã hội có quan hệ quen biết rộng, nhiều anh em, biết bà T đang có mâu thuẫn với chị H nên muốn giúp đỡ. Khi có được sự tin tưởng của bà T thì Đ đến gặp trực tiếp nH cũng không giới thiệu tên, tuổi, địa chỉ thật mà nói dối tên là M ở khu X, thị trấn Q, huyện Q, là đàn em của anh Q. Với thủ đoạn trên, trong các ngày 09/12/2019, 10/12/2019 và 17/12/2019, Đ đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T với tổng số tiền 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 08/12/2019, Đ sử dụng số điện thoại 0362.237.333 của Đ gọi điện đến số điện thoại 0962.710.930 của bà T và tự giới thiệu tên là Q, là dân xã hội ở H1 Phòng có nhiều đàn em ở thị trấn Q, muốn giúp bà T giải quyết mâu thuẫn với chị H. Khi bà T nghi ngờ và hỏi lại thì Đ nói dối là trước đó đã có một lần gặp bà T ở một quán cà phê và cho nhau số điện thoại nH bà T không nhớ. Sau khi nói chuyện, Đ nhận thấy bà T dễ tin người nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T. Để thực hiện ý đồ trên, khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho bà T, xưng tên là Q, nói dối là có người ở thị trấn Q muốn vay của Q số tiền 70.000.000 đồng để thanh toán tiền mua gỗ nH do ngân hàng đã ngừng giao dịch nên đặt vấn đề vay tạm của bà T số tiền trên và hẹn đến sáng ngày hôm sau sẽ chuyển khoản trả lại. Về phía bà T, mặc dù chưa gặp mặt nH nghĩ đến việc có người đang muốn giúp mình nên có phần tin tưởng và nghĩ thời gian mượn tiền chỉ trong vài giờ nên đồng ý. Qua điện thoại, Đ nói với bà T sẽ cho một người em thân tín tên là M ở thị trấn Q đến gặp bà T để lấy tiền. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 09/12/2019, Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Innova màu đen (*xe Đ thuê của Công ty cho thuê xe ô tô tự lái H1 ở tổ X, phường T, thành phố T, tỉnh, nH Đ không nhớ biển kiểm soát*) đến gần khu vực nhà bà T thì gọi điện báo bà T đi ra ngoài đón. Khi gặp, Đ giới thiệu tên là M ở khu 3 thị trấn Q, là em của anh Q và nói với bà T: “*Anh Q nhờ cháu đến lấy 70.000.000 đồng*”. Trong lúc bà T chuẩn bị tiền, Đ tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T nên lấy điện thoại ra giả vờ gọi điện nói chuyện với Q, sau đó nói với bà T là phải vay thêm 11.500.000 đồng, tổng là 81.500.000 đồng mới đủ tiền lấy hàng. Bà T tin lời Đ nên đồng ý và lấy ra 81.500.000 đồng (đều là tiền có mệnh giá 500.000 đồng) để trên mặt bàn. Trước khi nhận tiền, để bà T thêm tin tưởng, Đ bảo bà T đưa giấy, bút để viết giấy vay tiền với nội dung “*Hôm nay ngày 09/12/2019 Em Nguyễn Văn M Địa chỉ Khu X thị trấn Q. có vay của chị Nguyễn Thị T A, Q QPTB Với Số Tiền là < 81.500.000 > tám mươi một triệu 5 trăm ngàn Nguyễn Văn M*” và ký tên là Nguyễn Văn M rồi đếm và cầm tiền ra về còn bà T giữ giấy vay tiền. Đến khoảng 05 giờ ngày 09/12/2019, Đ gửi tin nhắn Zalo (vẫn với danh nghĩa là Q) cho bà T để cảm ơn và hỏi bà T số tài khoản ngân

hàng để chuyển trả tiền nH không trả mà đã sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ cá nhân và đánh bạc. Cụ thể: Khoảng 13 giờ cùng ngày, Đ đã trả nợ anh L Văn H (tên gọi khác là H), sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã Quỳnh M, huyện Quỳnh Phụ số tiền 27.000.000 đồng và sau đó, theo Đ khai, đi đến xới bạc do một người đàn ông tên là N tổ chức trên thuyền đậu ở mé sông D1 thuộc khu vực xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đánh bạc và thua hết số tiền 54.500.000 đồng còn lại.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 09/12/2019, Đ (vẫn xưng tên là Q) gọi điện thoại cho bà T, lấy lý do điện thoại của bà T không đăng ký dịch vụ chuyển khoản nên chưa chuyển trả được tiền, mục đích để bà T không nghi ngờ. Đến khoảng 08 giờ ngày 10/12/2019, Đ tiếp tục gọi điện thoại cho bà T hỏi vay số tiền 90.000.000 đồng và nói dối là để cho người khác vay nóng. Do tin lời Đ nói là thật, bà T đồng ý và đề nghị gặp mặt thì Đ nói sẽ nhờ M đến lấy tiền rồi đưa đến gặp Q để trả toàn bộ số tiền đã vay. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova đến trả Công ty H1 và lấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze màu đen, biển kiểm soát 17A-XXXXX mà Đ gửi lại khi thuê xe, ra về và đi đến nhà bà T (*Chiếc xe này Đ ký hợp đồng thuê của anh Trần Văn H, sinh năm 1980, trú tại tổ X phường T, thành phố T vào ngày 05/11/2019*). Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Đ (xưng tên là M) đến nhà gặp và nói với bà T là anh Q nhờ đến lấy tiền. Do bà T chỉ có 50.000.000 đồng tiền mặt nên bảo M (Đ) đưa đến ngân hàng để rút tiền. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Đ chở bà T đến Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Q để rút số tiền 100.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm của bà T. Lúc này, trong túi xách của bà T có tổng cộng 150.000.000 đồng. Trong lúc ngồi trên xe, Đ quan sát trong túi xách của bà T thấy số tiền trên nên đặt vấn đề hỏi vay toàn bộ 150.000.000 đồng để giải quyết việc cho Q và hứa khi đến gặp Q sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay. Bà T tin lời Đ nên đồng ý, đưa tiền cho Đ. Đ cầm tiền cất vào ngăn để đồ của xe. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 17A-XXXXX nêu trên chở bà T đến gara ô tô H1 Tuấn tại thôn Tài Giá, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh Phụ gặp anh Nguyễn H1 Đ (tên gọi khác là H1), sinh năm 1985, trú tại thôn P, xã Quỳnh N, huyện Quỳnh Phụ là chủ gara. Do trước đó Đ đến gara sửa xe, anh Đ nghĩ Đ làm dịch vụ cho vay lãi nên đã đặt vấn đề vay tiền thì Đ nói sẽ cho anh Đ vay 50.000.000 đồng. Trong lúc anh Đ viết giấy vay tiền, Đ giả vờ ra ngoài nghe điện thoại rồi quay vào nói với anh Đ là đi lấy tiền và sẽ quay lại nH thực tế Đ không có ý định cho anh Đ vay tiền mà chỉ để tạo thêm niềm tin đối với bà T là Đ có khả năng tài chính. Trên đường đi bà T liên tục yêu cầu đến gặp Q thì Đ chần chừ và chở bà T đến một quán cơm ở thị trấn Đông H. Trong lúc ăn cơm, bà T dùng điện thoại chụp ảnh Đ. Đoán biết bà T nghi ngờ nên Đ tiếp tục nói dối bà T: “Giờ cháu thú thật với cô cháu với Q đều là một người thì cô nghĩ sao”. Bà T nói: “Tại sao lại nói dối cô” và hỏi tên thật thì Đ vẫn không nói tên thật của Đ mà chỉ nói: “Giờ cô muốn gọi cháu là M hay Q đều được”. Bà T lại tin tưởng nên gọi Đ là M và hỏi về số tiền đã vay thì Đ hứa đến ngày 23/12/2019 sẽ trả tiền bà T. Tiếp đó, Đ tự nghĩ ra thông tin nhằm mục đích đe dọa, uy hiếp tinh thần khiến bà T nghe theo lời Đ nên Đ nói: “Chị H thuê cháu 50.000.000 đồng để xử lý cô, vì thấy cô hiền lành tử tế nên không nỡ làm hại, cô đừng nói gì với chúng nó không sẽ hỏng hết việc”. Bà T nghe Đ nói vậy thì không đòi tiền nữa, đồng ý cho M (Đ) vay tiền. Theo Đ khai, sau khi chở bà T về nhà, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ mang theo số tiền 150.000.000 đồng chiếm đoạt của bà T đến xới bạc do một người đàn ông tên là N tổ chức trên

thuyền đậu ở mé sông D1 thuộc khu vực xã T, huyện T đánh bạc và thua gần hết số tiền trên, chỉ còn lại khoảng 3.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Từ ngày 10/12/2019 đến ngày 16/12/2019, Đ nhiều lần điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển kiểm soát 17A-XXXXX chở bà T đến một số hàng quán tại huyện Đông H, để bà T ngồi trên xe và đi vào trong quán rồi đi ra nói dối bà T là phải đi thu tiền các máy bán cá đặt tại đây, mục đích để bà T tin Đ có công việc, có thu nhập. Chiều ngày 17/12/2019, bà T nhờ Đ chở đến nhà con gái bà ở thị trấn T, huyện K chơi. Trên đường đi, Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T nên nói dối bà T là Đ đang nợ người khác 01 cây vàng, muốn vay bà T để trả nợ thì bà T đồng ý nên Đ chở bà T đến Cửa hàng vàng bạc Mão Thiệt ở thị trấn Đông H. Lúc này, Đ có số tiền 3.000.000 đồng nên vay thêm 35.000.000 đồng của bà T để mua 01 cây vàng trị giá 38.000.000 đồng. Sau đó, Đ chở bà T đến nhà con gái bà là chị Vũ Thị H2 sinh năm 1989, trú tại thị trấn T, huyện K và ăn cơm tại đây. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ ra về còn bà T ở lại. Trên đường về huyện Quỳnh Phụ, Đ đến Cửa hàng vàng bạc Mão Thiệt ở thị trấn Đông H bán 01 cây vàng trên được số tiền 37.400.000 đồng. Sau đó, theo Đ khai mang theo số tiền trên đến nhà anh Nguyễn Đức T (tên gọi khác là L), sinh năm 1974, trú tại tổ 07, thị trấn A, huyện Quỳnh Phụ đánh bạc thua hết số tiền này.

Ngày 23/12/2019, bà T yêu cầu Đ trả lại toàn bộ số tiền vay NH Đ tìm mọi cách lẩn tránh. Sau đó, bà T đã nhiều lần liên lạc NH Đ vẫn không trả tiền bà. Ngày 15/4/2020, bà T có đơn trình báo gửi Công an huyện Quỳnh Phụ đề nghị giải quyết. Ngày 16/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Nguyễn Văn Đ lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi 03 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKSQP ngày 20/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà T trong các ngày 09/12/2019, 10/12/2019 và 17/12/2019 tổng số tiền 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) như đã nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại.

- Bị hại bà Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đ theo đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm g Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 08 (Tám) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 28/4/2020, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng

Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Đ có trách nhiệm trả lại cho bị hại số tiền 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo H1 chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ và còn được chứng M bằng các tài liệu, chứng cứ như: giấy vay tiền; Bản kết luận giám định số 45/KLGD-PC09 ngày 22/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số: 39; 45); Văn bản cung cấp thông tin tài khoản giao dịch của bị hại tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Q và bảng kê thông tin thuê bao số điện thoại của Viettel Thái Bình (bút lục số: 64 - 67; 69 - 70); Các bản photo ảnh chụp màn hình, bản ảnh trích xuất từ điện thoại của bị hại (bút lục số 54 - 60; 121). Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 09/12/2019, 10/12/2019 và 17/12/2019, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật để lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn La Vân 1, xã Quỳnh Hồng; chỗ ở Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình tổng số tiền 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 174 Bộ luật Hình sự: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, vì vậy việc xét xử bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết, đồng thời lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo đã ba lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T, phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải lên mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Xét thấy bị cáo hiện tại là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này đối với chị Cao Thị H có nợ bà T số tiền 38.000.000 đồng chị không nhờ hoặc thuê Đ giải quyết mâu thuẫn giữa chị và bà T nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với việc Đ mượn, sau đó cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 của anh L Văn H (H), sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã Quỳnh M, huyện Quỳnh Phụ, kết quả điều tra xác định sau khi cầm cố chiếc xe trên Đ đã thông báo và trả anh H1 một phần tài sản, phần còn lại anh H1 đồng ý cho Đ nợ. Do đó, hành vi này của Đ không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với các phương tiện Đ sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, đại diện Công ty H1 và anh Trần Văn H, sinh năm 1980, trú tại tổ 19, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình xác định họ đều không biết việc Đ thuê xe ô tô tự lái, sau đó sử dụng vào mục đích phạm tội, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý về hành vi đồng phạm với Đ hoặc hành vi che giấu, không tố giác tội phạm. Quá trình điều tra, Đ khai đã 02 lần đến đánh bạc tại xó bạc do một người tên N tổ chức trên thuyền đậu ở mé sông D1 thuộc khu vực xã T, huyện T. Qua điều tra, xác M, anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1977, trú tại thôn

Hậu Trữ, xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy khẳng định không quen biết Đ, không tổ chức đánh bạc như lời khai của Đ. Cơ quan điều tra đã ban hành công văn trao đổi thông tin gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thái Thụy xác M theo quy định. Đối với lời khai của Đ về việc đánh bạc tại nhà anh Nguyễn Đức T (L), sinh năm 1974, trú tại tổ 07, thị trấn A, huyện Quỳnh Phụ, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Đ với anh T và anh Đinh Bá Ph, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã An, huyện Q nhưng anh T, anh Ph đều khẳng định lời khai của Đ là không đúng sự thật. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác M, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã lừa đảo chiếm đoạt của bà T số tiền 266.500.000 đồng, tại phiên tòa bà T yêu cầu Đ phải trả lại bà số tiền trên, vì vậy buộc bị cáo Đ phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền trên là phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”
- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 08 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 28/4/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 266.500.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.325.000 đồng án phí dân sự giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Đức